

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ  
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/DS-ST  
Ngày: 27 - 3 - 2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay  
tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Hoàng Thị Thái
- Bà Lò Thị Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Bà Ôn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2023/TLST - DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị X

Địa chỉ: Bản N, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

**2. Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị M. Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Nơi làm việc: Trường Tiểu học T - xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/8/2019 bà X có cho bà Nguyễn Thị M vay số tiền 750.000.000 đồng. Bà X đã đòi nhiều lần nhưng bà M không trả tiền. Năm 2022 bà X đã khởi

kiện bà M, tuy nhiên do gia đình có công việc nên không có thời gian giải quyết và đã rút đơn khởi kiện. Cho đến nay bà X khởi kiện: Buộc bà M phải trả số tiền gốc đã vay. Buộc bà M phải trả số tiền 7.280.000 đồng là tiền chi phí giám định trung cầu chữ viết, chữ ký mà bà X đã nộp trong vụ án dân sự thụ lý số 12/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu: Yêu cầu bà M phải trả số tiền 12.740.000 đồng là tiền chi phí giám định trung cầu chữ viết, chữ ký mà bà X đã nộp tạm ứng trong vụ án dân sự thụ lý số 12/2022/TLST-DS ngày 17/10/2022, số tiền 7.280.000 đồng chỉ là tiền tạm ứng ban đầu.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn không trả lời thông báo thụ lý vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

3. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ là Kết luận giám định về chữ ký, chữ viết của bà M trong giấy vay tiền ngày 22/8/2019 và Phiếu thu chi phí giám định tại Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên.

Tại kết luận giám định số 608B/KL-KTHS ngày 14/4/2023 Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị M dưới mục “NGƯỜI VAY TIỀN” trên “GIẤY VAY TIỀN” đề ngày 22/8/2019 với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị M trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết, ký ra.

Tại phiếu thu ngày 22/3/2023 và ngày 14/4/2023 của cơ quan giám định thì tổng chi phí trung cầu chữ viết, chữ ký là: 12.740.000 đồng.

4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Nguyên đơn thực hiện cơ bản đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 68, 70, 71/BLTTDS.

Bị đơn không thực hiện quyền nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS, không có ý kiến trả lời thông báo thụ lý vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vi phạm các Điều 68, 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35, Điểm a khoản 1 điều 39, Điều 161/BLTTDS; Điều 19, 117, 351, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, đề nghị HĐXX: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X. Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà X số tiền gốc 750.000.000 đồng. Sau ngày 27/3/2024 bà M phải trả tiền lãi chậm trả tương ứng với khoản tiền chưa trả được theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà X về việc buộc bà M phải chịu tiền chi phí giám định.

Về án phí: Căn cứ Điều 147, khoản 3 Điều 218/BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án, bà M phải chịu án phí DSST có giá ngạch 34.000.000 đồng. Bà X không thuộc trường hợp được trả lại án phí do bà được miễn tiền tạm ứng án phí trước đó.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng quy định tại Điều 195/BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn có nơi cư trú tại phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35/BLTTDS.

- Về việc vắng mặt đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238/BLTTDS HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng cho vay tiền ngày 22/8/2019 được ký giữa các bên; Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự, công an tỉnh Điện Biên; Lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Có đủ cơ sở để xác định: Ngày 22/8/2019, bà M có vay của bà X số tiền 750.000.000 đồng. Thời gian vay từ ngày 22/8/2019 đến ngày 22/9/2019. Lãi suất do các bên thỏa thuận theo quy định của pháp luật tại thời điểm cho vay. Bà M đã được nhận số tiền 750.000.000 đồng. Đến nay bà M chưa trả được tiền gốc, lãi cho bà X. Hợp đồng được lập thành văn bản, chữ ký và chữ viết của người vay tiền được xác định là của bà M, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự nên hợp pháp, có hiệu lực pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án bà M không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh việc mình đã trả tiền cho bà X.

[2.2] Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn phải trả số tiền gốc đã vay là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu trả tiền chi phí giám định: Xét thấy nội dung này đã được giải quyết bằng Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 15/2023/QĐST-DS ngày 14/4/2023 (được sửa chữa, bổ sung theo quyết định số 07/2023/SCBSQĐ ngày 05/5/2023) của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ. Trong quyết định thể hiện: nguyên đơn bà Nguyễn Thị X phải chịu chi phí giám định là 12.740.000 đồng. Các Quyết định trên đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 19, điểm c khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217/BLTTDS, HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[3] **Về án phí:** Theo quy định tại khoản 1 Điều 147/BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Cụ thể, bà M phải chịu:  $750.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 34.000.000 \text{ đồng}$  án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[4] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238; Điều 19, điểm c khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 117, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X.

Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ phải trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền gốc đã vay là 750.000.000 (*Bảy trăm năm mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc: Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền chi phí giám định là 12.740.000 (*Mười hai triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn*) đồng.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 34.000.000 (Ba mươi tư triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TPĐBPs;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TPĐBPs;
- TAND tỉnh ĐB;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Minh Huệ**